

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ B
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HSST
Ngày 21/02/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Phạm Thị Nga và bà Ngô Thị Như Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Khuất Duy Xuân Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 21/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2020/TLST-HS ngày 09/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HS ngày 05/02/2020 đối với:

Bị cáo **Nguyễn Thị H** (D), sinh ngày 05/02/1985 tại Hòa Bình

Nơi cư trú: Số nhà 22, Tổ 08, phường Đồng T, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Xuân H (Đã chết); Con bà Hoàng Thị H, sinh năm 1963; Chồng Phạm Ngọc H, sinh năm 1983 (Đã chết); Có 01 con, sinh năm 2002; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 109/2011/HSST ngày 30/12/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Anh **Phạm Thế Th**, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Số nhà 4, Ngõ 63 đường Trần Hưng Đ, Tổ 11, phường Đồng T, thành

phố Hòa B, (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ, ngày 06/9/2017, tại khu vực cổng Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Hòa Bình, Nguyễn Thị H hỏi mượn anh Phạm Thế Th 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Super Dream màu nâu BKS 28H1- 043.46 để đi chợ. Do đã nhiều lần cho H mượn xe nên anh Th tin tưởng giao xe cho H. Sau khi mượn được xe, H điều khiển xe đi lên khu vực chợ Nghĩa Phương, rồi đi sang Bưu điện tỉnh Hòa Bình trượt lại sim điện thoại. Xong việc, H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô đã mượn của anh Th. H rút sim điện thoại, điều khiển xe mô tô đến xã Tây C, huyện Đoan H, tỉnh Phú Thọ để gặp bạn trai là Nguyễn Tiến D. H và D cùng nhau đi xin việc làm và thuê nhà tại đây để sinh sống. Do xe mô tô Hoàn chiếm đoạt của anh Th không có giấy tờ xe nên H đã lấy BKS 19S1- 2128 nhét được lắp thay vào xe để tránh việc bị kiểm tra khi tham gia giao thông tại Phú Thọ. Suốt quá trình sinh sống tại Phú Thọ, H và D có đi về thành phố Hòa B vài lần nhưng đều không liên lạc và trốn tránh anh Th vì sợ bị đòi xe mô tô. Ngày 17/4/2018 D điều khiển xe mô tô chở H về thành phố Hòa B, khi đi qua địa phận huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ thì bị Tổ tuần tra Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Phú Thọ kiểm tra xử lý vi phạm nồng độ cồn và tạm giữ phương tiện. Do không có giấy tờ xe nên H và D không quay lại nộp phạt để nhận lại xe. Đến tháng 9/2019 H và D xảy ra mâu thuẫn, H về sinh sống tại thành phố Hòa B. Ngày 14/9/2019 anh Th gặp H tại khu vực Cảng Nghiêng phường Tân Th, thành phố Hòa B, anh Th đã yêu cầu H cùng đến trụ sở Công an thành phố Hòa B làm rõ sự việc.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 97/HĐ-ĐGTS ngày 23/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Hòa B kết luận: 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Super Dream màu nâu, số khung RLHHA0805AY190756, số máy HA08E-1490639, BKS 28H1- 043.46 tình trạng đã qua sử dụng giá trị tài sản là 4.920.000đ (Bốn triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Cáo trạng số: 02/CT-VKS ngày 08/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình truy tố Nguyễn Thị H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự (năm 1999).

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung Cáo trạng truy tố. Tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa B giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố. Đồng thời đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng;

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân người phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” ;

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 140; Điều 33 của Bộ luật Hình sự (năm 1999); điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự (năm 1999); Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự (2015).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì. Do vậy, không đề cập giải quyết.

Phản tranh luận: Bị cáo không có tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Thị H nhận thức được hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử, xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hòa B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người bị hại đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt họ.

[3] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị H tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại; Kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 13 giờ, ngày 06/9/2017 sau khi mượn của anh Phạm Thế Th một chiếc xe mô tô BKS 28H1-043.46 trị giá 4.920.000 đồng, Nguyễn Thị H đem trốn đi, nhằm chiếm đoạt để sử dụng, sau đó bị Công an thu giữ. Hành vi của Nguyễn Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự (năm 1999) như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa B truy tố là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Lợi dụng lòng tin của người có tài sản cho mượn rồi chiếm đoạt. Hành vi nêu trên của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, bị dư luận và quần chúng nhân dân lên án. Bản thân bị cáo là người

có nhân thân xấu, tại Bản án số 109/2011/HSST ngày 30/12/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, không lấy đó làm bài học, nay lại phạm vào tội mới. Vì vậy, cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả mà bị cáo gây ra để giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự”: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện sửa chữa xe mô tô cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự (năm 1999). Ngoài ra, do có sự thay đổi chuyên biến về pháp luật hình sự. Theo hướng dẫn của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự (2015). Cụ thể, tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự (năm 1999), có quy định khung hình phạt nhẹ hơn so với điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự (năm 2015). Do vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Thị H theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự (năm 1999) là có căn cứ. Nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng có lợi cho bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự: Đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA Super Dream màu nâu BKS 28H1- 043.46 Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại, bị cáo đã tự nguyện sửa chữa phần bị hư hỏng, người bị hại không có đề nghị và yêu cầu gì khác, nên không đề cập giải quyết ở phần quyết định.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 140; Điều 33 của Bộ luật Hình sự (năm 1999) và điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự (năm 1999); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự (2015);

1. Tuyên bố Nguyễn Thị H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt Nguyễn Thị H 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 21/02/2020. Người bị hại (vắng mặt) có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Khoa